

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2009/QĐ-UBND

*Mỹ Tho, ngày 29 tháng 12 năm 2009*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư  
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ hoạt động môi trường;

Căn cứ Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê;

Căn cứ Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

Căn cứ Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình Hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2009-2015 và Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định Hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2009 - 2015;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 3268/SKH&ĐT-TTĐT ngày 16/12/2009 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và các Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của Ủy ban nhân

dân tỉnh về việc ban hành Quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Trung**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cam kết thực hiện các chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư; Luật Công nghệ thông tin; Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Công nghệ cao; Luật Đất đai; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định khác của pháp luật về thuế, về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. Ngoài các chính sách chung, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh theo các điều khoản quy định dưới đây.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang bảo đảm thực hiện đầy đủ, thuận lợi, nhanh chóng và ổn định lâu dài những chính sách khuyến khích phát triển, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp Nhà nước ban hành quy định mới, ưu đãi hơn cho nhà đầu tư so với ưu đãi trong Quy định này, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi bổ sung theo quy định mới.

Trong trường hợp Nhà nước ban hành quy định mới về hỗ trợ, ưu đãi thấp hơn mức hỗ trợ, ưu đãi đã cấp cho dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, thì nhà đầu tư được tiếp tục hưởng các hỗ trợ, ưu đãi đã được cấp trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho thời gian còn lại của dự án.

### **Điều 3. Phạm vi áp dụng**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

- a) Dự án đầu tư vào lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong Phụ lục I đính kèm.
- b) Dự án đầu tư vào địa bàn ưu đãi đầu tư trong Phụ lục II đính kèm.
- c) Dự án đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa trong Phụ lục III đính kèm.

d) Các hoạt động bảo vệ môi trường và các sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định trong Danh mục hoạt động, sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường - Phụ lục IV đính kèm.

đ) Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 - Phụ lục V đính kèm.

e) Dự án nhà ở thu nhập thấp tại khu vực đô thị và dự án nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê.

g) Các hoạt động khoa học công nghệ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng như: tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam; Công bố tiêu chuẩn áp dụng; Chứng nhận hợp chuẩn; Chứng nhận hợp quy; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và các biện pháp cải tiến năng suất.

2. Đối với các dự án đầu tư vào các lĩnh vực nói tại điểm a khoản 1 Điều này được đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có chính sách ưu đãi đầu tư riêng thì nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi đó. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp không có chính sách ưu đãi đầu tư riêng, hoặc có nhưng không ưu đãi bằng Quy định này thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo Quy định này.

#### **Điều 4. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng được áp dụng hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trong quy định này bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
2. Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật Đầu tư.
4. Đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Cơ sở ngoài công lập.

Các đối tượng này gọi chung là nhà đầu tư.

#### **Điều 5. Cơ sở ngoài công lập**

Cơ sở ngoài công lập là cơ sở do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân hoặc cộng đồng dân cư thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước và hoạt động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

#### **Điều 6. Cơ sở thực hiện xã hội hóa**

Cơ sở thực hiện xã hội hóa là cơ sở thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ. Gồm các cơ sở dưới đây:

1. Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa.

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 7.** Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoạt động đầu tư chung trên địa bàn tỉnh. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công (sau đây gọi là UBND cấp huyện) tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý về đầu tư theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoạt động đầu tư trong các khu công nghiệp. Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang có trách nhiệm chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trong các khu công nghiệp.

**Điều 9.** Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý về đầu tư theo quy định của pháp luật.

**Điều 10.** UBND cấp huyện chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư tại địa phương mình theo đúng thẩm quyền phân cấp do pháp luật quy định.

## **Chương II**

### **CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

#### **Điều 11. Hỗ trợ đào tạo nghề**

1. Các doanh nghiệp sản xuất thành lập mới có sử dụng từ 200 lao động trở lên (riêng lĩnh vực công nghệ thông tin, từ 20 lao động trở lên; địa bàn huyện Tân Phú Đông từ 100 lao động trở lên) được tính hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động có hộ khẩu tại Tiền Giang trong thời gian 02 (hai) năm đầu kể từ khi có Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề thực hiện thông qua các cơ sở dạy nghề.

Mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ban đầu tối đa không quá 300.000 đồng/người/tháng; và tổng mức hỗ trợ theo thời gian quy định đào tạo nghề không quá 1.500.000 đồng/người.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục để được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề.

Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề hàng năm do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn sẽ được phân bổ và chi trả trực tiếp cho các cơ sở dạy nghề trong tỉnh.

#### **Điều 12. Hỗ trợ xúc tiến thương mại**

1. Doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh đến năm 2020, theo Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được hưởng một số chính sách phát triển theo Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển.

2. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật được hỗ trợ xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành của Chính phủ và Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng Quỹ Xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, được hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% chi phí cấu thành gian hàng, chi phí tuyên truyền quảng bá cho tham gia hội chợ triển lãm xuất khẩu trong nước.

- Hỗ trợ 50% chi phí vé máy bay, chi phí thuê gian hàng tại hội chợ triển lãm đa ngành hoặc chuyên ngành tại nước ngoài.

Sở Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết hỗ trợ xúc tiến thương mại và tổ chức thực hiện theo quy định.

### **Điều 13. Hỗ trợ đầu tư và sau đầu tư**

Nhà đầu tư có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ thuộc ngành, nghề quy định ở Điều 5 - Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 60/2005/QĐ-UBND ngày 12/12/2005 và Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND ngày 05/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế trên thì được hỗ trợ đầu tư và sau đầu tư từ Quỹ khuyến khích của tỉnh và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục, trình tự giải quyết việc hỗ trợ sau đầu tư và tổ chức thực hiện theo quy định.

### **Điều 14. Hỗ trợ ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động khoa học - công nghệ**

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng khoa học - công nghệ, sản xuất thực nghiệm trên địa bàn tỉnh, có đăng ký đề tài, dự án tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của tỉnh được hỗ trợ, ưu đãi theo Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định về quản lý và hỗ trợ triển khai đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Tiền Giang.

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện theo Quy định này.

### **Điều 15. Hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực**

1. Nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh các sản phẩm (trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, thương mại và dịch vụ) được xác định là doanh nghiệp chủ lực và sản phẩm chủ lực được hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực theo Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định Hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2009 - 2015, gồm các hỗ trợ:

- Hỗ trợ sản xuất giống phục vụ cho phát triển vùng nguyên liệu.
- Hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm.



- Hỗ trợ nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp.
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu.
- Hỗ trợ hình thành, giữ vững và bảo vệ nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm hàng hóa, chống hàng gian, hàng giả.
- Hỗ trợ đổi mới công nghệ; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.
- Hỗ trợ về thông tin và tiếp cận nguồn tài chính.
- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải và xây dựng hệ thống bảo vệ môi trường.
- Hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Hỗ trợ phát triển các hợp tác xã khi tham gia xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến.

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn mức hỗ trợ, thủ tục giải quyết các hỗ trợ nói trên.

2. Doanh nghiệp chủ lực và sản phẩm chủ lực được xác định theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và điều kiện quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Chương trình hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2009 - 2015 theo Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 16. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên chuyển giao công nghệ, bao gồm cả việc góp vốn bằng công nghệ để thực hiện các dự án đầu tư tại tỉnh theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Giá trị của công nghệ dùng để góp vốn hoặc giá trị của công nghệ được chuyển giao do các bên thỏa thuận và được xác định tại hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích việc chuyển giao vào tỉnh các công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn và công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh, chất lượng sản phẩm; tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; khuyến khích việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và sử dụng công nghệ.

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên chuyển giao công nghệ, quy trình và thủ tục chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

### **Điều 17. Hỗ trợ quảng cáo sản phẩm trên website tỉnh Tiền Giang**

Các doanh nghiệp tham gia quảng cáo sản phẩm trên website Tiền Giang được tỉnh hỗ trợ như sau:

- Miễn phí đối với các doanh nghiệp trong Danh sách các doanh nghiệp tham gia phát triển sản phẩm công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

- Giảm 15% trên số tiền phải trả cho các hợp đồng có thời gian quảng cáo là 06 tháng.

- Giảm 25% trên số tiền phải trả cho các hợp đồng có thời gian quảng cáo là 01 năm.

- Giảm 35% trên số tiền phải trả cho các hợp đồng có thời gian quảng cáo là 02 năm.

Ban Biên tập website tỉnh Tiền Giang hướng dẫn cụ thể thủ tục, trình tự giải quyết hỗ trợ.

### **Điều 18. Hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng trong hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

1. Căn cứ vào quy hoạch, nhu cầu phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, Ủy ban nhân dân tỉnh kêu gọi các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực này.

2. Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được tỉnh hỗ trợ như sau:

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất (đối với nhà đầu tư trong nước) hoặc cho thuê đất (đối với nhà đầu tư trong nước, nước ngoài) theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành áp dụng vào thời điểm giao đất, cho thuê đất. Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng phải đảm bảo tiến độ xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo như giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Đối với dự án do nhà đầu tư tự bỏ vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp được UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án hỗ trợ việc bồi thường, di dời, giải tỏa, hỗ trợ tái định cư hộ dân trên diện tích đất xây dựng dự án.

- Đối với dự án do nhà đầu tư tự bỏ vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp được UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án hỗ trợ nhà đầu tư lập phương án bồi thường tổng thể, hỗ trợ, tái định cư theo đúng pháp luật và tạo thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hộ dân trên diện tích đất xây dựng dự án.

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ một phần chi phí giải phóng mặt bằng hoặc một phần chi phí đầu tư các hạng mục công trình hạ tầng trong cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định,

nhưng không quá 15% chi phí hợp lý. Phần vốn ngân sách hỗ trợ được quyết toán theo quy định của Nhà nước.

- Tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất để nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đầu tư xây dựng công trình hạ tầng, làm khu tái định cư cho các hộ dân bị di dời, giải tỏa do thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Giá giao đất tái định cư được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở căn cứ vào bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hằng năm, và các điều kiện cụ thể của từng dự án.

3. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ, cân đối nguồn ngân sách địa phương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí trong kế hoạch ngân sách chung.

### **Điều 19. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp

2. Căn cứ các dự án đầu tư khu, cụm công nghiệp, làng nghề trong Danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố, các sở, ngành và UBND cấp huyện lập, hoặc phối hợp lập và đăng ký Sở Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề. Trong đó:

- Đối với dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi triển khai đầu tư dự án lập và đăng ký kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp.

- Đối với dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với sở ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi triển khai đầu tư dự án lập và đăng ký kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào cụm công nghiệp.

- Đối với dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật làng nghề, UBND cấp huyện nơi thực hiện làng nghề chủ trì, phối hợp với sở ngành có liên quan lập và đăng ký kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội bên ngoài làng nghề.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công

ng nghiệp, làng nghề trong kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, cân đối nguồn ngân sách địa phương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch bố trí vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề.

4. Đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhưng phù hợp quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, tùy theo từng dự án cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, cấp thoát nước, giao thông...) đến hàng rào doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá tổng số tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất doanh nghiệp phải nộp.

### **Điều 20. Hỗ trợ tín dụng đầu tư phát triển và dịch vụ đầu tư**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ hoặc giới thiệu hỗ trợ tín dụng đầu tư phát triển đối với dự án đáp ứng các điều kiện sau:

a) Dự án thuộc ngành, lĩnh vực quan trọng có tác động trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững nhưng không được ngân sách nhà nước cấp phát và không được ngân hàng thương mại cho vay theo điều kiện thông thường vì có yếu tố rủi ro.

b) Phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Phù hợp với quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Việc hỗ trợ tín dụng đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế thực hiện các dịch vụ hỗ trợ đầu tư sau:

a) Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý.

b) Tư vấn về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ.

c) Dạy nghề, đào tạo kỹ thuật và kỹ năng quản lý.

d) Cung cấp thông tin về thị trường, thông tin khoa học - kỹ thuật, công nghệ và các thông tin kinh tế, xã hội mà nhà đầu tư yêu cầu.

đ) Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại.

e) Thành lập các trung tâm thiết kế, thử nghiệm để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

### **Điều 21. Giá thuê đất**

Nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất của Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực, hoặc địa bàn quy định tại Điều 3 của

Quy định này, được hưởng ưu đãi về đơn giá thuê đất. Đơn giá thuê đất một năm được xác định từ 0,25% đến 0,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Trong trường hợp đất xây dựng dự án là đất do nhà đầu tư đấu giá quyền sử dụng đất thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê, đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá và không được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo Điều 22 Quy định này.

### **Điều 22. Miễn, giảm tiền sử dụng đất**

Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất và có thu tiền sử dụng đất có dự án đầu tư thuộc khoản 1 Điều 3 của Quy định này:

1. Được miễn tiền sử dụng đất theo các quy định tại:

- Khoản 1 và 3 Điều 12 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ.

- Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Điều 6 và Điều 10 Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Điều 5 Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê và Điều 5 Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

2. Được giảm tiền sử dụng đất theo qui định tại:

- Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP.

- Điều 6, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

### **Điều 23. Miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước**

Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước không qua đấu giá tiền thuê đất và có thu tiền thuê đất đối với diện tích đất thực hiện dự án đầu tư thuộc khoản 1 Điều 3 của Quy định này:

1. Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo qui định tại:

- Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Điều 6 và Điều 10 Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ.

- Điều 5 Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 5 Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo qui định tại:

- Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Điều 6 và Điều 10 Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/ 01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

**Điều 24. Ưu đãi về thuế suất, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng**

Các ưu đãi về thuế suất, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

### **Chương III**

## **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ ƯU ĐÃI CHO CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA**

**Điều 25. Cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, hoặc xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng để cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê với giá ưu đãi. Mức giá ưu đãi tối đa không bao gồm: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng và tiền lãi của cơ sở kinh doanh nhà, công trình, cơ sở hạ tầng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng trường học, bệnh viện, khu vui chơi, khu thể thao, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, rạp hát, rạp chiếu phim... theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 26. Giao đất, cho thuê đất**

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức:

a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất.

b) Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất.

c) Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất.

Riêng đối với đất đô thị, đất ở, căn cứ theo thực tế của địa phương và dự án đầu tư cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền thuê đất, và quyết định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đất nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án.

Trường hợp chủ đầu tư đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đó sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả.

2. Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng cơ sở thực hiện xã hội hóa có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không yêu cầu miễn giảm tiền sử dụng đất thì được thực hiện theo quy định hiện hành. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ đã thực hiện (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư; và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

3. Trường hợp có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa sẽ thực hiện phương thức đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng cao nhất các tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm, chất lượng, khả năng tài chính. Việc đấu thầu dự án thực hiện theo Thông tư 03/2009/TT-BKH ngày 16/4/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất hợp pháp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản theo quy định của pháp luật. Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn được giao đất, thuê đất nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không có nhu cầu tiếp tục sử dụng, hoặc bị giải thể, chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được giao cho Nhà nước.

Trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, thực hiện không đúng tiến độ dự án xã hội hóa (mà không được Ủy ban nhân dân tỉnh cho điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án), không có hiệu quả thì nhà nước sẽ thu hồi lại đất.

6. Khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng đất làm tài sản thế chấp để vay vốn.

7. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chuyển nhượng đất đã được Nhà nước giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp được chuyển nhượng, theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải bảo đảm không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thực hiện việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất, hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

### **Điều 27. Lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định miễn, giảm phí sử dụng hạ tầng theo quy định của pháp luật đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

### **Điều 28. Thuế suất và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất và thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động xã hội hóa của cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Cụ thể:

- Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập trước ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo nguyên tắc: thời gian hưởng ưu đãi theo các quy định trước đây đã hết thì được hưởng thuế suất 10% kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Trường hợp thời gian hưởng ưu đãi theo quy định trước đây



vẫn còn thì tiếp tục được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP sau khi trừ đi thời gian đã được hưởng ưu đãi trước đây.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa mới thành lập kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo.

- Riêng cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập mới kể từ ngày Nghị định 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành tại các huyện Tân Phước, Gò Công Đông, Gò Công Tây và Tân Phú Đông, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

- Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau phải tổ chức hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động xã hội hóa để được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

### **Điều 29. Chính sách ưu đãi về tín dụng**

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc danh mục các loại hình, bảo đảm các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của nhà nước.

### **Điều 30. Huy động vốn**

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, vốn góp từ người lao động trong đơn vị, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

### **Điều 31. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế**

Người lao động thuộc cơ sở thực hiện xã hội hóa được thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 32. Đào tạo cán bộ**

1. Cơ sở ngoài công lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có kế hoạch và chủ động thực hiện các hình thức đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ theo quy định của ngành, nghề hoạt động.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo cho đội ngũ cán bộ thuộc các cơ sở ngoài công lập trong trường hợp cần thiết.

#### **Chương IV**

### **CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở**

#### **Điều 33. Ưu đãi đối với dự án xây dựng nhà ở công nhân khu công nghiệp**

1. Chủ đầu tư các dự án nhà ở công nhân khu công nghiệp, có đăng ký đầu tư với Ủy ban nhân dân tỉnh được hưởng các cơ chế ưu đãi đầu tư sau đây:

a) Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện dự án theo Điều 21 và Điều 22 Quy định này.

b) Các doanh nghiệp tự xây dựng nhà ở công nhân (không thu tiền thuê hoặc có thu tiền thuê nhưng giá cho thuê không vượt quá mức giá cho thuê nhà ở xã hội theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh) và các doanh nghiệp thuê nhà cho công nhân ở thì được tính chi phí nhà ở là chi phí hợp lý (tính vào giá thành sản xuất) khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Được hỗ trợ tín dụng đầu tư từ các nguồn:

- Vay vốn tín dụng ưu đãi hoặc bù lãi suất theo quy định.

- Vay từ Quỹ phát triển nhà ở của địa phương và các nguồn vốn vay ưu đãi khác (nếu có).

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ lãi vay (căn cứ khả năng ngân sách hàng năm của tỉnh).

d) Được Sở Xây dựng cung cấp miễn phí các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình về nhà ở cũng như các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về thi công, xây lắp nhằm giảm giá thành xây dựng công trình; được áp dụng hình thức tự thực hiện nếu có đủ năng lực theo quy định của pháp luật hoặc chỉ định thầu đối với các hợp đồng tư vấn, thi công xây lắp và mua sắm thiết bị.

đ) Được Nhà nước hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước).

2. Trình tự, thủ tục triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở công nhân khu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quy định này.

#### **Điều 34. Ưu đãi đầu tư đối với dự án nhà ở thu nhập thấp**

1. Nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp, thực hiện đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh để được hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chủ đầu tư các dự án nhà ở thu nhập thấp được hưởng các cơ chế ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện dự án theo Điều 21 và Điều 22 Quy định này.

b) Được hỗ trợ tín dụng đầu tư từ các nguồn:

- Vay vốn tín dụng ưu đãi hoặc bù lãi suất theo quy định.

- Vay từ Quỹ phát triển nhà ở của địa phương và các nguồn vốn vay ưu đãi khác (nếu có).

- Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ một phần lãi vay theo khả năng ngân sách và dự án nhà ở cụ thể.

Mức hỗ trợ lãi vay do chủ đầu tư đề nghị, Sở Xây dựng đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Được Sở Xây dựng cung cấp miễn phí các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình về nhà ở cũng như các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về thi công, xây lắp nhằm giảm giá thành xây dựng công trình; được áp dụng hình thức tự thực hiện nếu có đủ năng lực theo quy định của pháp luật hoặc chỉ định thầu đối với các hợp đồng tư vấn, thi công xây lắp và mua sắm thiết bị.

d) Được Nhà nước hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước).

## **Chương V**

### **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 35. Các ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường**

1. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư mới; dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ trong việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường; dự án đầu tư nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường; hoặc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời (sau đây gọi chung là Dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường) được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ hoạt động môi trường theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, gồm:

- Các ưu đãi về phí, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.
- Huy động vốn đầu tư, khấu hao tài sản cố định, chi phí đầu vào.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng.
- Ưu đãi tài chính về đất đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời.
- Các hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng; giải phóng mặt bằng và bồi thường.
- Quảng bá sản phẩm, phân loại rác tại nguồn; hỗ trợ tiêu thụ và hỗ trợ về giá đối với sản phẩm và Giải thưởng về bảo vệ môi trường.

2. Các ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; ưu đãi về thuế suất; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng theo Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Quy định này.

### **Điều 36. Hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng**

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1, 2 mục I phần A của Danh mục được hưởng hỗ trợ về đầu tư các công trình hạ tầng như sau:

a) Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, điện, cấp thoát nước) ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.

b) Trong trường hợp nhà nước chưa cân đối được vốn hỗ trợ các công trình, hạng mục công trình nêu tại điểm a) khoản 1 Điều này theo tiến độ của dự án, chủ đầu tư được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư nhằm đưa dự án vào hoạt động đúng tiến độ. Số vốn này sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất, hoặc tiền thuê đất và các khoản khác mà chủ đầu tư phải nộp ngân sách theo quy định.

### **Điều 37. Hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và bồi thường**

Chủ đầu tư xây dựng công trình bảo vệ môi trường quy định tại mục I phần A và mục I phần B của Danh mục được hỗ trợ về giải phóng mặt bằng như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt có trách nhiệm, lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án bố trí quỹ đất đã hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cho dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Trường hợp diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ bảo vệ môi trường đang có người sử dụng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu

hồi đất của người đang sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai để giao lại cho chủ đầu tư.

**Điều 38. Ưu đãi tài chính về đất đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời**

1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời nếu được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác mà tiền sử dụng đất đã nộp cho Nhà nước hoặc tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được ưu đãi như sau:

a) Được bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để tiếp tục sản xuất kinh doanh.

Diện tích đất được giao mới bằng diện tích đất nơi có cơ sở sản xuất cũ phải di dời. Trường hợp do nhu cầu phát triển sản xuất mà cần diện tích đất lớn hơn thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập dự án đầu tư trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Nhà nước thu hồi diện tích đất nơi có cơ sở sản xuất cũ phải di dời để ưu tiên sử dụng vào mục đích công cộng hoặc được bán đấu giá để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

c) Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời là doanh nghiệp nhà nước được sử dụng tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (sau khi đã trừ các khoản chi phí tổ chức bán đấu giá) và được ghi vào vốn ngân sách nhà nước cấp để trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đổi mới và nâng cấp công nghệ tại cơ sở sản xuất mới. Trường hợp đất tại cơ sở sản xuất cũ được thu hồi và sử dụng vào mục đích công cộng thì doanh nghiệp được Nhà nước cấp vốn tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất của khu đất đó tính theo giá thị trường tại thời điểm thu hồi.

2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời nếu được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác mà tiền sử dụng đất đã nộp cho Nhà nước hoặc tiền đã trả cho việc nhận chuyển nhượng không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được giải quyết như sau:

a) Được Nhà nước ưu tiên bố trí mặt bằng sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để tiếp tục sản xuất kinh doanh nhưng phải trả tiền sử dụng đất theo suất đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

Trường hợp không bố trí được mặt bằng sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác thì doanh nghiệp, hợp tác xã được lựa chọn địa điểm mới phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và được Nhà nước hỗ trợ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với đất đang có người khác sử dụng) hoặc được giảm 50% tiền sử dụng đất (đối với đất nhà nước chưa giao, chưa cho thuê ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) hoặc giảm 100% tiền sử dụng đất (đối với đất nhà nước chưa giao, chưa cho thuê ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

Trường hợp do nhu cầu phát triển sản xuất mà cần diện tích đất lớn hơn so với diện tích nơi có cơ sở sản xuất cũ, thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải lập dự án đầu tư để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất xem xét bố trí; doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất chênh lệch đó.

b) Được chuyển mục đích sử dụng đối với diện tích đất nơi cơ sở cũ nhưng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không có nhu cầu sử dụng đất thì được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời được Nhà nước cho thuê đất mà tiền thuê đất đã nộp cho Nhà nước không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì được giải quyết như sau:

a) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuê đất đã trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc đã trả tiền thuê đất cho nhiều năm trước ngày Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thì được ưu tiên bố trí thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung khác, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt để tiếp tục sản xuất kinh doanh; doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả tiền thuê lại đất đối với toàn bộ diện tích đất thuê tại nơi di chuyển đến.

b) Được hoàn trả tiền thuê đất mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã nộp trước cho Nhà nước.

4. Cơ sở hoạt động vì lợi ích công cộng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất phải di chuyển địa điểm thì đất đai được giải quyết như sau:

a) Được ưu tiên bố trí mặt bằng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; đầu tư xây dựng kết cấu hạ

tầng kỹ thuật, công trình phục vụ hoạt động công ích tại địa bàn dự kiến di chuyển đến theo dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nhà nước thu hồi diện tích đất tại vị trí cũ phải di dời, để ưu tiên sử dụng vào mục đích công cộng khác hoặc được bán đấu giá để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

c) Được sử dụng tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (sau khi đã trừ các khoản chi phí tổ chức bán đấu giá) và được ghi vào vốn ngân sách nhà nước cấp để trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với đất đang có người khác sử dụng); đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ hoạt động công ích tại địa bàn dự kiến chuyển đến. Trường hợp đất tại cơ sở cũ được sử dụng vào mục đích công cộng thì cơ sở được Nhà nước cấp vốn để trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đối với đất đang có người khác sử dụng); đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ hoạt động công ích tại địa bàn dự kiến di chuyển đến.

### **Điều 39. Ưu đãi về huy động vốn đầu tư**

1. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy định tại khoản 1 mục I phần A của Danh mục hoạt động, sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường - Phụ lục IV đính kèm, áp dụng công nghệ xử lý có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 10% và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung quy định tại khoản 2 mục I phần A của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ 50% vốn đầu tư xây dựng, trong đó 40% từ ngân sách trung ương và 10% từ ngân sách địa phương; 50% còn lại được vay ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chính phủ.

2. Công trình xây dựng quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 mục I phần A và tại mục I phần B của Danh mục được ưu tiên hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định hiện hành hoặc được ưu tiên vay vốn và xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư theo điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; được đảm bảo nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi bằng thế chấp các tài sản được hình thành từ vốn vay.

3. Vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 9 mục II phần A của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ 30%; 70%, còn lại được vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chính phủ.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động quy định tại khoản 6, 7, 8 mục II phần A và khoản 5 mục II phần B của Danh mục được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các quỹ khác theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh.

5. Chương trình, dự án đầu tư thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường được quy định trong Danh mục, nếu là dự án trọng điểm của Nhà nước được ưu tiên xem xét sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

#### **Điều 40. Ưu đãi về phí**

Doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện dự án hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 5 mục II phần A và được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại mục II phần B của Danh mục được miễn phí bảo vệ môi trường.

#### **Điều 41. Khấu hao tài sản cố định**

1. Tài sản cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 9 mục II phần A của Danh mục được khấu hao nhanh gấp 02 lần mức khấu hao theo chế độ hiện hành.

2. Tài sản cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại mục II phần B của Danh mục được khấu hao nhanh gấp 1,5 lần mức khấu hao theo chế độ hiện hành.

#### **Điều 42. Hỗ trợ chi phí đầu vào**

1. Dự án hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 mục II phần A của Danh mục được Nhà nước hỗ trợ:

- a) 50% chi phí vận chuyển chất thải từ nguồn phát thải đến cơ sở xử lý chất thải.
- b) 50% giá điện phục vụ trực tiếp sản xuất.

2. Thủ tục, cơ chế thực hiện hỗ trợ chi phí đầu vào quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### **Điều 43. Hỗ trợ tiêu thụ và hỗ trợ về giá đối với sản phẩm**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng sản phẩm quy định tại khoản 1 và khoản 2 phần C của Danh mục nếu đạt tiêu chuẩn và thuộc diện mua sắm của cơ quan nhà nước.

2. Sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2, 3, 4 phần C của Danh mục được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ về giá theo nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm thu đủ bù chi cộng lãi suất hợp lý.

b) Thời gian trợ giá đối với sản phẩm được xác định căn cứ vào thời điểm dự án có sản phẩm và khả năng bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm được trợ giá.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ giá được lấy từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chính phủ.



4. Điều kiện trợ giá, mức trợ giá và thời gian trợ giá đối với sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 44. Hỗ trợ quảng bá sản phẩm, phân loại rác tại nguồn**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:

a) Quảng bá sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường.

b) Xây dựng các phim khoa học về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường;

c) Cung cấp miễn phí các dụng cụ cho người dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn.

2. Chi phí thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được hạch toán vào chi phí sản xuất của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 45. Giấy chứng nhận đầu tư**

1. Giấy chứng nhận đầu tư là cơ sở pháp lý để các cơ quan Nhà nước có liên quan của tỉnh giải quyết cấp hỗ trợ, ưu đãi cho nhà đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, bao gồm cả các dự án đầu tư quy định tại Điều 37 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang thực hiện việc đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, bao gồm cả các dự án đầu tư quy định tại Điều 37 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

4. Giấy chứng nhận đầu tư khi cấp cho nhà đầu tư phải nêu các hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư dự án được hưởng để làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết hỗ trợ, ưu đãi cho nhà đầu tư.

5. Thời hạn xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật, được niêm yết công khai tại Sở Kế hoạch - Đầu tư và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang.

**Điều 46. Hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp hỗ trợ, ưu đãi đầu tư**

- Hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp hỗ trợ, ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp, hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh và được niêm yết tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, dự án đầu tư trong khu công nghiệp, hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh và được niêm yết tại Văn phòng của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang.

**Điều 47. Thủ tục về thực hiện các ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho nhà đầu tư**

Đề được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp, nhà đầu tư phải gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn trực tiếp giải quyết từng loại hỗ trợ, ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định, hướng dẫn của cơ quan phụ trách.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn trực tiếp giải quyết từng loại hỗ trợ, ưu đãi đầu tư có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho nhà đầu tư biết.

Trường hợp nhà đầu tư không được giải quyết hỗ trợ, ưu đãi thì cơ quan phụ trách có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Nếu nhà đầu tư không đồng ý với các lý do đã nêu, có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, giải quyết.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn trực tiếp giải quyết từng loại hỗ trợ, ưu đãi đầu tư phải thông báo cho nhà đầu tư bằng văn bản để bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

**Điều 48. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc triển khai thực hiện Quy định**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo tình hình thực hiện và những phát sinh, vướng mắc về Sở Kế hoạch - Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch - Đầu tư có trách nhiệm triển khai, theo dõi thực hiện Quy định này, định kỳ 06 tháng có sơ kết tình hình thực hiện và những vấn đề mới nảy sinh cần xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, Quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Trung**

**Phụ lục I****DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**A. DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ****I. SẢN XUẤT VẬT LIỆU MỚI, NĂNG LƯỢNG MỚI; SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ SINH HỌC, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; CƠ KHÍ CHẾ TẠO**

1. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.
2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép.
3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều.
4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chỉnh hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
5. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, internet và sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

**II. NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN; LÀM MUỐI; SẢN XUẤT GIỐNG NHÂN TẠO, GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ GIỐNG VẬT NUÔI MỚI**

9. Trồng, chăm sóc rừng.
10. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hóa, vùng nước chưa được khai thác.
11. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
12. Sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng, vật nuôi mới và có hiệu quả kinh tế cao.
13. Sản xuất, khai thác và tinh chế muối.

### **III. SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI; NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO**

14. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới chưa được sử dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.

15. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.

16. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.

17. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

### **IV. SỬ DỤNG NHIỀU LAO ĐỘNG**

18. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

### **V. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG**

19. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

### **VI. PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, Y TẾ, THỂ DỤC VÀ THỂ THAO**

20. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.

21. Đầu tư thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

22. Đầu tư thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.

23. Đầu tư xây dựng: trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và đào tạo, huấn luyện thể thao cho người tàn tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.

### **VII. NHỮNG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ KHÁC**

24. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên.

25. Dịch vụ cứu hộ trên biển.

26. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

### **B. DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ:**

#### **I. SẢN XUẤT VẬT LIỆU MỚI, NĂNG LƯỢNG MỚI; SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ SINH HỌC, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; CƠ KHÍ CHẾ TẠO**

1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thủy tinh; xi măng đặc chủng.

2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.

3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.
  4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.
  5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.
  6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.
  7. Phát triển công nghiệp hóa dầu.
  8. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.
  9. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y (địa điểm đầu tư dự án theo quy hoạch).
  10. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y.
  11. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.
  12. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.
  13. Sản xuất sản phẩm điện tử.
  14. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.
  15. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.
  16. Đầu tư sản xuất động cơ diezen; đầu tư sản xuất và sửa chữa, đóng tàu thủy; thiết bị phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.
  17. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải.
  18. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
  19. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da.
- II. NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN; LÀM MUỐI; SẢN XUẤT GIỐNG NHÂN TẠO, GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ GIỐNG VẬT NUÔI MỚI**
20. Trồng cây dược liệu.
  21. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.
  22. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.
  23. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

24. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

25. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

### **III. SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI; NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO**

26. Sản xuất thiết bị ứng phó, xử lý tràn dầu.

27. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

28. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

### **IV. SỬ DỤNG NHIỀU LAO ĐỘNG**

29. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

### **V. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

30. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

31. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.

32. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

33. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe.

34. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này.

### **VI. PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, Y TẾ, THỂ DỤC, THỂ THAO VÀ VĂN HÓA DÂN TỘC**

35. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

36. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

37. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

38. Thành lập: nhà văn hóa dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

39. Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

### **VII. PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG**

40. Xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm và các sản phẩm văn hóa.

### **VIII. NHỮNG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ KHÁC**

41. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng tại danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này.

42. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: vận tải bằng phương tiện tàu biển, vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên; vận tải bằng phương tiện thủy nội địa chở khách hiện đại, tốc độ cao; vận tải bằng công-ten-nơ.

43. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

44. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

45. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

46. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

47. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

48. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh. (địa điểm đầu tư dự án theo quy hoạch)

49. Sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tinh khiết, hóa chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.(địa điểm đầu tư dự án theo quy hoạch)

50. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hóa chất.(địa điểm đầu tư dự án theo quy hoạch)

51. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

52. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

53. Dự án đầu tư sản xuất trong các Khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.



**Phụ lục II****DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

<b>STT</b>	<b>Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</b>	<b>Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</b>
	Huyện Tân Phước	Các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

---

**I. NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN:**

Lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường.

**Phụ lục IV****DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM TỪ HOẠT ĐỘNG  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**A. DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC  
ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ****I. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung.
2. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
3. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải.
4. Xây dựng cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường.
5. Xây dựng trung tâm, trạm tìm kiếm cứu nạn; ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường; cơ sở khắc phục hậu quả môi trường sau chiến tranh.
6. Xây dựng cơ sở hỏa táng, điện táng.

**II. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Hoạt động xử lý chất thải nguy hại; xử lý hóa chất độc hại; xử lý, cải tạo môi trường các kênh, mương, sông, hồ chứa và các khu quân sự.
2. Sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường.
3. Sản xuất thiết bị bảo vệ môi trường, bao gồm thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị xử lý chất thải, ứng phó, xử lý tràn dầu; thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
4. Sản xuất các sản phẩm thay thế nguyên liệu tự nhiên có lợi cho môi trường.
5. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
6. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới chưa được sử dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học để bảo vệ môi trường.
7. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) kỹ thuật xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường chiếm 25% doanh thu trở lên.
8. Chuyển giao công nghệ phục vụ xử lý chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.
9. Ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

10. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; quan trắc và phân tích môi trường; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

11. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và các nguồn tin điện tử về khoa học và công nghệ sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu, xử lý chất thải, dự án chuyển giao công nghệ phục vụ xử lý chất thải.

## **B. DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ**

### **I. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Xây dựng trạm quan trắc môi trường.
2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường các khu, cụm công nghiệp làng nghề.
3. Xây dựng cơ sở công nghiệp môi trường, cơ sở sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác phục vụ lợi ích công về bảo vệ môi trường.
4. Xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.

### **II. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Hoạt động xử lý chất thải thông thường.
2. Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
3. Nghiên cứu xử lý chất thải, chuyển giao công nghệ phục vụ xử lý chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.
4. Xử lý sự cố tràn dầu, khắc phục sự cố sạt lở núi, sạt lở đê, bờ sông, bờ biển và các sự cố môi trường khác.
5. Áp dụng công nghệ giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ozon.
6. Sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải.

## **C. DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ**

1. Sản phẩm thân thiện với môi trường, bao gồm:
  - a) Sản phẩm sau khi thải bỏ dễ phân hủy trong tự nhiên;
  - b) Sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường được sản xuất để thay thế nguyên liệu tự nhiên;

---

c) Sản phẩm được cấp nhãn sinh thái của tổ chức được Nhà nước công nhận.

2. Các sản phẩm từ hoạt động tái chế chất thải.
3. Sản phẩm thay thế nguyên liệu tự nhiên có lợi cho môi trường.
4. Năng lượng thu được từ việc tiêu hủy chất thải./.

**Phụ lục V****DANH MỤC CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN, NGÀNH  
CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**I. NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN:**

- May quần áo xuất khẩu, sản xuất nguyên phụ liệu ngành may (đến năm 2015).
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa (nhựa gia dụng, bao bì, chai lọ, ống... nhựa kỹ thuật).
- Chế biến các sản phẩm từ nông, lâm, thủy sản (trừ xay xát - xoa bóng gạo, sản phẩm tinh chế từ gạo, chế biến trái cây, chế biến thủy sản).
- Sản xuất các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ xuất khẩu.
- Hóa chất (hóa chất cơ bản, phân bón, hóa mỹ phẩm, hóa dược).

**II. NGÀNH CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN:**

- Chế biến thủy sản.
- Chế biến trái cây; các sản phẩm tinh chế từ gạo.
- Cơ khí chế tạo (ô tô, đóng tàu, thiết bị toàn bộ, máy nông nghiệp, cơ điện tử).
- Thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.
- Sản phẩm từ công nghệ mới (năng lượng mới, năng lượng tái tạo), sản phẩm từ công nghệ vật liệu mới.